

Số: 688/QĐ-ĐHTCQTKD

Hưng Yên, ngày 12 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc miễn, giảm học phí cho sinh viên thuộc đối tượng: Con thương binh, con bệnh binh, con của người bị tai nạn lao động, là người khuyết tật, là trẻ mồ côi không nơi nương tựa, dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, dân tộc thiểu số cận nghèo, dân tộc thiểu số vùng đặc biệt khó khăn;

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng chính phủ Quy định về chính sách học phí miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 72/QĐ-TTg ngày 16/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ Quyết định về việc các xã, thôn trên địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi tiếp tục thụ hưởng các chính sách an sinh xã hội đã ban hành;

Căn cứ vào hồ sơ xin miễn giảm học phí của sinh viên đã được xét duyệt
Xét đề nghị của Ông Trưởng phòng Tài chính kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Miễn, giảm 216.614.000 đồng (Tiền bằng chữ: Hai trăm mười sáu triệu sáu trăm mười bốn nghìn đồng chẵn) tiền học phí kỳ I năm học 2025-2026 cho 27 sinh viên đại học hệ chính quy K10, K11, K12 thuộc đối tượng: Con thương binh, con bệnh binh, con của người bị tai nạn lao động, là người khuyết tật, là trẻ mồ côi không nơi nương tựa, dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, dân tộc thiểu số cận nghèo, dân tộc thiểu số vùng đặc biệt khó khăn; (có phụ lục kèm theo).

Điều 2. Các Ông (Bà) Trưởng phòng Công tác sinh viên, Quản lý đào tạo, Tài chính kế toán và sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận: 
- Như Điều 2;
- BGH
- Công TTĐT
- Lưu: VT, TCKT (4).



TS. Nguyễn Thị Bích Diệp

Phụ lục

**DANH SÁCH SINH VIÊN K10, K11, K12 ĐƯỢC MIỄN GIẢM HỌC PHÍ
HỌC KỲ I NĂM HỌC 2025-2026**

*(Kèm theo Quyết định số 688/QĐ-ĐHTCQTKD ngày 12 tháng 11 năm 2025
của trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh)*

STT	MA SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Số tín chí	Đơn giá	Thành tiền	Đối tượng	Mức miễn giảm	Số tiền MG	TK sinh viên	Ghi chú
Khoá K10							27,600,000			22,540,000		
1	1001030743	Bùi Thị Hải Yến	28/01/2004	QT10A	10	460,000	4,600,000	CTB	100%	4,600,000	105877622716	
2	1001030466	Đỗ Phương Anh	24/11/2004	QT10B	10	460,000	4,600,000	Khuyết tật	100%	4,600,000	108877622737	
3	1001010869	Hoàng Thị Minh Thu	25/09/2004	NH10A	10	460,000	4,600,000	DTTS-DBKK	70%	3,220,000	100877622942	
4	1001031636	Hà Trung Hiếu	28/11/2004	QM10A	10	460,000	4,600,000	DTTS-DBKK	70%	3,220,000	106877623017	
5	1001020141	Ngô Thu Hương	12/03/2003	KD10C	10	460,000	4,600,000	TNLD	50%	2,300,000	2405220131136	
6	1001021560	Nguyễn Thủy Phương	07/08/2004	KD10E	10	460,000	4,600,000	CTB	100%	4,600,000	2405220128863	
Khoá K11							87,400,000			69,322,000		
1	1101020190	Vũ Thị Nguyệt Minh	10/11/2005	KD11D	25	460,000	11,500,000	Trẻ mồ côi ko nơi nương tựa	100%	11,500,000	2405220133069	
2	1101030564	Lê Mai Hương	08/11/2005	QT11B	23	460,000	10,580,000	CTB	100%	10,580,000	101880374433	
3	1101020706	Cầm Văn Thu	25/01/2005	KD11C	25	460,000	11,500,000	DTTS- Hộ cận nghèo	100%	11,500,000	2405220133524	
4	1101020139	Hoàng Thị Lệ	21/01/2005	KD11G	25	460,000	11,500,000	DTTS-DBKK	70%	8,050,000	2405220135245	
5	1101020511	Lộc Thành Đạt	13/09/2005	KD11D	25	460,000	11,500,000	DTTS-DBKK	70%	8,050,000	2405220133568	
6	1101030629	Lương Thị Mừng	18/01/2004	QT11B	23	460,000	10,580,000	DTTS-DBKK	70%	7,406,000	102880374445	
7	1101030805	Nguyễn Ngọc Giang	30/09/2005	QT11B	23	460,000	10,580,000	DTTS-DBKK	70%	7,406,000	107880374464	
8	1101070430	Nguyễn Phan Hải Đăng	30/07/2005	KL11A	21	460,000	9,660,000	TNLD	50%	4,830,000	2405220131737	
Khoá 12							142,140,000			124,752,000		

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Số tín chí	Đơn giá	Thành tiền	Đổi tương nghèo	Mức miễn giảm	Số tiền MG	TK sinh viên	Ghi chú
1	1201030843	Hà Thu Hoài	27/09/2006	QT 12A	23	460,000	10,580,000	DTTS-Hộ nghèo	100%	10,580,000	107883153955	
2	1201070631	Hoàng Thị Linh Chiến	06/03/2006	QL12A	23	460,000	10,580,000	DTTS-ĐBKk	70%	7,406,000	109883107599	
3	1201011357	Đông Minh Nguyễn	06/06/2006	NH12A	25	460,000	11,500,000	CTB	100%	11,500,000	107883138330	
4	1201011266	Vũ Đức Hoàng	09/10/2006	NH12A	25	460,000	11,500,000	CBB	100%	11,500,000	102883138311	
5	1201011360	Nguyễn Thảo Nguyễn	30/01/2006	TC12B	25	460,000	11,500,000	TNLD	50%	5,750,000	101883107219	
6	1201011630	Lưu Quỳnh Trâm	16/07/2006	TC12A	25	460,000	11,500,000	CTB	100%	11,500,000	109883133621	
7	1201021505	Nguyễn Như Quỳnh	09/01/2006	KD12E	23	460,000	10,580,000	CBB	100%	10,580,000	106883135730	
8	1201020320	Trịnh Minh Ngọc	28/12/2006	KD12E	23	460,000	10,580,000	TNLD	50%	5,290,000	101883135723	
9	1201030811	Hoàng Thị Ngọc Hà	21/11/2006	QM12B	23	460,000	10,580,000	DTTS-ĐBKk	70%	7,406,000	103883155835	
10	1201031574	Đào Thanh Trà	23/11/2006	QT12B	23	460,000	10,580,000	DTTS-Hộ nghèo	100%	10,580,000	102883161135	
11	1201011797	Lê Huy Nam	02/10/2006	NH12A	25	460,000	11,500,000	Khuyết tật	100%	11,500,000	107883138328	
12	1201020191	Lò Thị Hương	08/11/2005	KD12C	23	460,000	10,580,000	DTTS- Hộ cận nghèo	100%	10,580,000	104883112278	
13	1201020221	Hoàng Thị Khuê	13/01/2005	KD12E	23	460,000	10,580,000	DTTS- Hộ cận nghèo	100%	10,580,000	101883135711	
							257,140,000	-	-	216,614,000		